

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19/8/2021

về việc “Ly hôn,”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức P; ông Bùi Quang H.

Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu T - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:*** Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 295/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Ngọc V, sinh năm 1994 (có mặt tại phiên tòa).

Đăng ký HKTT: Khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Khu P, phường V, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1989 (xin vắng mặt tại phiên tòa).

Đăng ký HKTT: Khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh B; Hiện đang chấp hành án tại: Đội 7, phân trại 5, Trại giam P 4; Địa chỉ: xã C, huyện P, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2021, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị Ngọc V trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Tuấn A vào ngày 18/9/2012 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được sự đồng ý của cả đôi bên gia đình và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị về làm ăn sinh sống cùng gia đình anh Tuấn A, vợ chồng sống cùng mẹ anh Tuấn A tại khu 5, phường Đ, thành phố B, tỉnh B.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 05 tháng, đến tháng 3/2013 giữa chị và anh Tuấn A phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Tuấn A bạn bè tụ tập thường xuyên đi chơi, sau đó chị phát hiện anh Tuấn A nghiện chất ma túy. Hơn nữa trong cuộc sống sinh hoạt anh Tuấn A không quan tâm chăm lo đến gia đình vợ con, thường xuyên đi chơi nhiều ngày không về nhà, ngoài ra anh Tuấn A công khai có người phụ nữ bên ngoài, chị biết khuyên bảo nhưng anh không nghe, vợ chồng nảy sinh xô sát, cãi nhau nhiều lần. Năm 2014 anh Tuấn A vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân thành phố B xét xử về tội "tàng trữ trái phép ma túy" thời gian 30 tháng tù, chấp hành tại Trại giam N, tỉnh B. Năm 2017 anh Tuấn A ra trại, vợ chồng sống gần nhau chị nhẫn nhịn chịu đựng vì con để cho không khí gia đình vui vẻ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Tuấn Anh vẫn không thay đổi, tình cảm vợ chồng không cải thiện, thường xuyên cãi nhau. Năm 2019 anh Tuấn A vi phạm pháp luật, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 30 tháng tù về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy". Hiện anh Tuấn A đang chấp hành án tại trại giam P 4, cụ thể Đội 7, phân trại 5, trại giam P 4, xã C, huyện P, tỉnh T (ngày đến Trại 24/4/2020). Thời gian anh chấp hành án tại Trại giam P do Trại giam ở xa, chị phải đi làm nên không đến Trại thăm anh được, thỉnh thoảng chị có gọi điện thoại hỏi thăm anh. Vì vợ chồng sống xa cách nhau mỗi người một nơi nên tình cảm vợ chồng có rạn nứt, xa cách. Trước khi chị gửi đơn xin ly hôn anh Tuấn A, chị có trao đổi và anh có biết, anh đồng ý ly hôn chị. Ngoài ra giữa chị và mẹ chồng không hợp nhau, chị cố gắng chu toàn mọi việc trong cuộc sống sinh hoạt gia đình, trong cách đối nhân xử thế nhưng quan hệ giữa chị và mẹ chồng không mấy suôn sẻ, ngày 01/3/2021 chị dọn ra ngoài thuê trọ, hiện chị ở khu P, phường V, thành phố B. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Tuấn A.

Về con chung: Chị và anh Tuấn A có 01 con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 31/12/2013. Hiện cháu D đang học Trường Tiểu học Đ, sinh hoạt cùng bà nội cháu, hàng tháng chị vẫn chu cấp đầy đủ chi phí ăn, học cho con chung. Chị có nguyện vọng xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm nhân viên bán hàng thuộc Công ty cổ phần Kids Plaza, địa chỉ tại số 495 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh B. Thu nhập 7.000.000đ/tháng, chị đảm bảo các điều kiện về mặt vật chất, tinh thần để nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn A trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị V về thời gian, điều kiện kết hôn như chị V trình bày. Anh xác nhận quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau hòa thuận được thời gian đầu, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do bất đồng quan điểm sống, bản thân anh có chơi bời tụ tập bạn bè, ít quan tâm chăm lo cho

gia đình. Năm 2019 anh vi phạm pháp luật, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 30 tháng tù về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy", hiện nay đang chấp hành án tại trại giam P 4, cụ thể Đội 7, phân trại 5, trại giam P 4, xã C, huyện P, tỉnh T. Thời gian đầu anh đi chấp hành án chị V có đến thăm, thỉnh thoảng chị V có gọi điện thoại, vợ chồng hỏi thăm trao đổi hỏi han tình hình của con chung, do anh và chị V sống xa cách nhau nên tình cảm có phai nhạt, trước khi chị V làm đơn xin ly hôn anh có thông nhất đồng ý ly hôn. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam P 4, T vì vậy chị V làm đơn xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 31/12/2013. Anh có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao con chung cho bà nội cháu chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về công nợ: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Thị Ngọc V giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 31/12/2013, hiện anh Tuấn A đang chấp hành án tại Trại giam P 4, nên chị có nguyện vọng xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A đang chấp hành án tại Trại giam P 4 nên xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án thành phố B cũng như xin xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa xét xử vụ án giữa anh và chị V.

Tòa án công bố lời khai, các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam nên xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Ngọc V về việc xin ly hôn anh Nguyễn Tuấn A, xử cho chị V được ly hôn anh Tuấn A.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh D, sinh ngày 31/12/2013 cho chị Vân trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hà Thị Ngọc V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vân và anh Tuấn A kết hôn ngày 18/9/2012 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố B. Như vậy chị V và anh Tuấn A đã tuân thủ đầy đủ các quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Chị V và anh Tuấn A đều thừa nhận vợ chồng sống hòa thuận được bốn, năm tháng đầu, đến năm 2013, 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bản thân anh Tuấn A chơi bời, tụ tập bạn bè có lần đi vài ngày mới về, cả hai ít quan tâm nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt. Năm 2019 anh T A vi phạm pháp luật, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 30 tháng tù về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy". Hiện anh đang chấp hành án tại trại giam P 4, cụ thể Đội 7, phân trại 5, trại giam P 4, xã C, huyện P, tỉnh T. Thời gian vợ chồng sống xa cách chị Vân ít thăm gặp nên có ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Chị V làm đơn xin ly hôn anh Tuấn A hoàn toàn đồng ý và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn anh Tuấn A đang chấp hành án tại Trại giam và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt nhưng có đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuấn A. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn, yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ. Xét mâu thuẫn giữa chị và anh Tuấn A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân anh Tuấn A thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, bản thân anh chơi bời vi phạm pháp luật hiện đang chấp hành án trong Trại giam, chị V kiên quyết xin ly hôn nên cả hai không có biện pháp hàn gắn cải thiện tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị của chị V xin ly hôn anh Tuấn A là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị V và anh Tuấn A có 01 con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 31/12/2013. Chị Vân có nguyện vọng xin được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Tuấn A đề nghị giao con cho mẹ để anh chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên và nay hai bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con. Căn cứ quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của con chung xin được ở với chị Vân và điều kiện nuôi con của hai bên thấy điều kiện thực tế, thu nhập chị Vân đang làm nhân viên bán hàng thuộc Công ty cổ phần Kids Plaza, địa chỉ tại số 495 đường N, phường T thành phố B, tỉnh B. Thu nhập 7.000.000đ/tháng, có đủ điều kiện để nuôi con chung. Anh Tuấn A đang chấp hành án tại Trại giam. Xét thấy, tôn trọng ý kiến của các đương sự và để đảm bảo quyền lợi của con chung, xét nguyện vọng của con chung do đó để tránh sự thay đổi cho con chung sau ly hôn nên cần chấp nhận đề nghị của chị V và giao cháu D cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu do vậy không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị Ngọc V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 146, 147, 204, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 227, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Ngọc V về việc xin ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Ngọc V được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Chị Hà Thị Ngọc V và anh Nguyễn Tuấn A có 01 con chung là Nguyễn Anh D, sinh ngày 31/12/2013. Giao cho chị Hà Thị Ngọc V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu D. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yaaau cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị Ngọc V chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2019/0000962, ngày 19/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B (Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án xử vắng mặt hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND, CCTHADS thành phố Bắc Ninh;
- UBND phường Đại Phúc,
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hồng